

THỰC TRẠNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGHỀ NGẮN HẠN TẠI TỈNH TRÀ VINH

Quách Thị Vũ Huệ *

Tóm tắt

Phát triển và Đổi mới toàn diện dạy nghề là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước ta, trong đó đã xác định rõ vị trí quan trọng của đào tạo nghề trong phát triển nguồn nhân lực. Tuy nhiên, chất lượng đào tạo nghề vẫn còn nhiều khó khăn, tồn tại, bức xúc và là mối quan tâm của toàn xã hội nói chung và tỉnh Trà Vinh nói riêng. Nâng cao chất lượng đào tạo nghề như là một tất yếu khách quan, một yêu cầu cấp thiết, giúp tạo nhiều việc làm có thu nhập cao, cải thiện đời sống cho người lao động. Trên cơ sở thực trạng công tác đào tạo nghề tại tỉnh Trà Vinh, bài viết định hướng và đề ra các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng cho loại hình đào tạo này với mục đích phát triển nguồn nhân lực có tay nghề tại các địa phương trong tỉnh Trà Vinh.

Abstract

The policies of our party and government are development and thorough renovation of vocational training, of which the importance of vocational training in developing human resource is greatly defined. However, the quality of vocational training is still pressing and it is also the concern of society in general and Travin province in particular. Enhancing vocational training quality is an objective and urgent requirement. Therefore, it creates more high salary job opportunities, improves labors' living conditions. The reality of vocational training in Travin province helps us orient and figure out practical solutions, which aim at developing the highly qualified human resource at locals in.

1. Mở đầu

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, công tác đào tạo nghề đã được phục hồi, ổn định và có bước phát triển, đáp ứng tốt hơn nhu cầu nhân lực kỹ thuật của thị trường lao động. Theo quan điểm của Đảng, trong giai đoạn 2011 - 2020, việc mở rộng quy mô đào tạo nghề cho người lao động phải phục vụ có hiệu quả việc chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp, nông thôn, tạo nhiều việc làm có thu nhập cao, cải thiện đời sống cho người lao động; giảm nghèo vững chắc, đảm bảo an sinh xã hội; đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế và lao động nông nghiệp, nông thôn.

Hiện nay, một trong những khâu yếu nhất của đào tạo nghề ở nước ta là chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề còn thấp. Mặc dù chất lượng và hiệu quả dạy nghề tại tỉnh Trà Vinh có bước chuyển biến tích cực, nhưng để có thể cung cấp hàng chục ngàn lao động có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao tại chỗ cho các dự án kinh tế lớn như: Nhà máy nhiệt điện Duyên Hải, kênh đào Quan Chánh Bố, khu kinh tế mở Định An - Trà Cú là một thách thức đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo trong tỉnh Trà Vinh. Do vậy, công tác nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đóng vai trò rất quan trọng đối với chuyển dịch cơ cấu lao động và đáp ứng sự nghiệp phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH-HĐH) của tỉnh.

2. Nội dung

2.1. Thực trạng công tác đào tạo nghề hiện nay của tỉnh Trà Vinh

2.1.1. Mạng lưới các cơ sở dạy nghề

Trên địa bàn tỉnh hiện nay đã có 14 cơ sở dạy nghề công lập (trong đó: 01 trường trung cấp nghề, 01 trung tâm dạy nghề hội LH Phụ Nữ, 07 trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm các huyện Trà Cú, Cầu Ngang, Duyên Hải, Cầu Kè, Càng Long, Châu Thành, Tiểu Cần) và 05 cơ sở giáo dục khác có dạy nghề. Ngoài ra còn có các cơ sở dạy nghề tư nhân tổ chức lớp đào tạo nghề tại các đơn vị như Công ty TNHH Trường Giang, Chi nhánh Công ty TNHH Thành Phúc, DNTN Kim Xuyên, Công ty TNHH Duy Tường, Công ty TNHH Thủy hải sản Saigon-Mekong... và có hơn 10 công ty, hợp tác xã, cơ sở sản xuất dạy nghề theo hình thức kèm cặp, truyền nghề tại cơ sở và giải quyết việc làm tại chỗ.

2.1.2. Về xác định nhu cầu đào tạo nghề ngắn hạn

Trong những năm gần đây, xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động diễn ra nhanh, năm 2005 lao động trong khu vực I chiếm đến 72,32% lao động xã hội nhưng đến năm 2009 tỷ lệ này giảm xuống còn 56,98%, tương ứng khu vực II tăng từ 6,36% lên 17% và khu vực III tăng từ 21,31% lên 26,01%. Lao động thanh niên từ nông thôn chuyển sang làm việc trong các khu công nghiệp, thương mại trong và ngoài tỉnh ngày càng nhiều, lao động ở lại nông thôn phần lớn là những người lớn tuổi, không được đào tạo. Vì vậy chú trọng phát triển ngành nghề nông thôn để tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân nông thôn là hướng đi đúng trong điều kiện hiện nay.

Việc xác định nhu cầu học nghề của người lao động chưa thực sự được chú trọng. Công tác đào tạo nghề được tiến hành hàng năm nhưng việc điều tra khảo sát nhu cầu học nghề của người lao động thực hiện 2 năm/ lần, do đó chưa đánh giá đầy đủ được đặc điểm, những khó khăn của người học nghề trước khi tiến hành đào tạo.

Theo kết quả điều tra nhu cầu học nghề của lao động nông thôn tháng 8 năm 2010 của tỉnh, tại thời điểm này có 232.858 người lao động có nhu cầu học nghề (gồm 43 nghề) dưới 1 năm; trong đó thời gian đào tạo dưới 1 tháng có 15.804 người, thời gian đào tạo từ 1 đến 2 tháng có 92.409 người, thời gian đào tạo từ 3 đến 6 tháng có 6.216 người, thời gian đào tạo từ 6 đến dưới 12 tháng có 118.429 người.

Bảng 1: Kết quả điều tra nhu cầu học nghề của lao động nông thôn tháng 8/2010

TT	Tên nghề	Số người có nhu cầu học nghề	Chia ra							
			Dưới 1 tháng	%	Từ 1-2 tháng	%	Từ 3-6 tháng	%	Từ 6-dưới 12 tháng	%
01	Xây dựng	19.223	474	3,00	8.266	8,95	781	12,57	9.702	8,19
02	Trồng trọt	17.794	2.951	18,67	5.462	5,91	174	2,79	9.208	7,77
03	Trang trí nội thất	200			100	0,11			100	0,08
04	Sửa xe ô tô, xe gắn máy	22.094	194	1,23	9.435	10,21	1.349	21,70	11.117	9,39
05	Sửa máy vi tính	2.764	27	0,17	1.175	1,27	160	2,58	1.402	1,18
06	Sửa máy nổ nông nghiệp	12.967	240	1,52	5.669	6,13	514	8,27	6.543	5,53
07	Sửa chữa điện tử	895	7	0,04	334	0,36	107	1,72	447	0,38
08	Sửa điện thoại di động	174			53	0,06	33	0,54	87	0,07
09	Sửa điện dân dụng	107			47	0,05			60	0,05
10	Sửa chữa bảo trì thiết bị máy	194	13	0,08	73	0,08	7	0,11	100	0,08
11	Quản lý nhà hàng	714	7	0,04	327	0,35	20	0,32	361	0,30
12	Phục vụ nhà hàng - khách sạn	775	7	0,04	374	0,40	0	0,00	394	0,33
13	Nuôi trồng thủy sản	6.817	1.022	6,46	2.190	2,37	40	0,64	3.565	3,01
14	Nữ công gia chánh	1.269	114	0,72	481	0,52			674	0,57
15	Mộc gia dụng	2.083	67	0,42	901	0,98	67	1,07	1.048	0,89
16	May dân dụng	8.720	267	1,69	3.793	4,10	247	3,97	4.413	3,73
17	May công nghiệp	52.314	1.402	8,87	23.049	24,94	1.462	23,52	26.401	22,29
18	Lắp đặt thiết bị cơ khí	13			7	0,01			7	0,01
19	Lái xe tải	1.456	7	0,04	614	0,66	80	1,29	754	0,64
20	Lái xe cơ giới chuyên dụng	2.604	27	0,17	1.148	1,24	114	1,83	1.315	1,11
21	Lái tàu	40	7	0,04	13	0,01			20	0,02
22	Kỹ nghệ sắt	1.015	33	0,21	441	0,48	33	0,54	507	0,43
23	Kế toán	53			20	0,02	7	0,11	27	0,02
24	Hàn công nghệ cao	227			114	0,12			114	0,10
25	Giúp việc nhà	5.181	815	5,15	1.636	1,77	114	1,83	2.617	2,21
26	Điều dưỡng	13			7	0,01			7	0,01
27	Dược	7							7	0,01
28	Đông y dược	13			7	0,01			7	0,01
29	Điện-điện lạnh	167			67	0,07	7	0,11	93	0,08
30	Điện tử dân dụng	334			147	0,16	13	0,21	174	0,15
31	Điện tử công nghiệp	554			207	0,22			347	0,29
32	Điện dân dụng	3.172	53	0,34	1.369	1,48	147	2,36	1.602	1,35
33	Điện công nghiệp	614	20	0,13	267	0,29	13	0,21	314	0,26
34	Đan lát	20.792	4.781	30,25	5.315	5,75	20	0,32	10.676	9,02

35	Chế biến thủy sản	1.976	254	1,61	721	0,78	13	0,21	988	0,83
36	Chế biến thức ăn tôm sú	13							13	0,01
37	Chế biến nước đá	7							7	0,01
38	Chế biến lương thực, thực phẩm	147	13	0,08	60	0,07			73	0,06
39	Chăn nuôi thú y	34.186	2.864	18,12	13.694	14,82	180	2,90	17.447	14,73
40	Chăm sóc thẩm mỹ	2.183	33	0,21	961	1,04	40	0,64	1.148	0,97
41	Cắt, uốn tóc	8.667	100	0,63	3.732	4,04	461	7,41	4.373	3,69
42	Cắt gọt kim loại	294	7	0,04	120	0,13	13	0,21	154	0,13
43	Bảo vệ	27			13	0,01			13	0,01
Cộng		232.858	15.804	100,00	92.409	100,00	6.216	100,00	118.429	100,00

(Nguồn: Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Trà Vinh)

2.1.3. Chương trình và phương pháp đào tạo nghề

- Nội dung chương trình: Hiện nay các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đều áp dụng khung chương trình mới để đào tạo, nếu có nghề mới phát sinh do nhu cầu thực tế phát triển của xã hội thì Sở Lao động Thương binh và Xã hội khảo sát thực tế để xây dựng chương trình phù hợp. Tuy nhiên, do một số cơ sở đào tạo nghề chưa có đủ giáo viên cơ hữu và kinh nghiệm chuyên môn chưa cao nên việc biên soạn chương trình, giáo trình còn gặp nhiều khó khăn. Từ đó, Sở Lao động Thương binh và Xã hội đã chủ động liên kết biên soạn lại 30 bộ chương trình, giáo trình dạy nghề ngắn hạn để sử dụng chung cho các cơ sở dạy nghề trên địa bàn tỉnh.

- Phương pháp đào tạo nghề: Các phương pháp đào tạo nghề hiện nay chưa được quan tâm đúng mức, chưa đa dạng, chủ yếu đào tạo tại các trung tâm đào tạo nghề và các buổi tập huấn ngắn hạn. Phương pháp đào tạo tại doanh nghiệp, hay kèm cặp trong sản xuất chưa được chú trọng. Tỉnh chưa tập trung nghiên cứu, kiểm định về phương pháp đào tạo nghề.

2.1.4. Đánh giá kết quả đào tạo nghề

- Đánh giá về số lượng đào tạo so với mục tiêu đào tạo: Số lượng học viên qua đào tạo nghề ngắn hạn và thường xuyên hàng năm gia tăng trung bình 28.35% so với kế hoạch.

- Đánh giá về việc làm và thu nhập của học viên đã qua đào tạo: Theo kết quả điều tra tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề có xu hướng tăng qua các năm, từ năm 2009 theo kế hoạch là 22,87 % có việc làm và thực hiện đạt 22,87%, đến năm 2012 kế hoạch là 28,5% và thực hiện đạt 29,91% vượt kế hoạch. Lao động được tạo việc làm trong năm thông qua các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh là 12.021 người lao động (chiếm 61,13% trong tổng số người lao động được đào tạo nghề năm 2012). Cùng với sự gia tăng về việc làm thì mức lương bình quân của những đối tượng này cũng tăng lên. Qua khảo sát từ các doanh nghiệp cho thấy mức lương bình quân từ 1.750.000đ – 4.100.000đ. Tuy nhiên, tỷ lệ này còn thấp so với nhiều tỉnh trên địa bàn cả nước và mức tăng hàng năm còn chậm.

Bảng 2. Số lượng học viên học nghề ngắn hạn và tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề ngắn hạn từ năm 2009 - 2012

TT	Kế hoạch (người)	Thực hiện (người)	Tỷ lệ so kế hoạch (%)	Tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề ngắn hạn (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện
Năm 2009	5.500	7.200	130	22,87	22,87
Năm 2010	8.500	8.485	130,9	23,93	23,93
Năm 2011	11.380	12.753	112	26,5	26,61
Năm 2012	13.800	19.383	140,5	28,50	29,91

(Nguồn: Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Trà Vinh)

- Mức độ phù hợp của nghề đào tạo so với nhu cầu việc làm: Trong những năm gần đây, tỷ lệ học sinh có việc làm đúng ngành nghề được đào tạo ngày càng cao, điều này cho thấy việc đào tạo ngày càng gần với thực tế hơn, góp phần cải thiện chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng việc làm đúng chuyên môn đào tạo nhưng chất lượng nguồn nhân lực thấp, không đáp ứng được nhu cầu lao động của doanh nghiệp. Nhiều lao động đã được đào tạo nghề nhưng khi làm việc tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp lại không đáp ứng đủ tiêu chuẩn. Thực trạng đó đã gây ra tình trạng vừa thừa, vừa thiếu lao động, không đáp ứng được nhu cầu lao động thực tế của địa phương.

- Mức độ phù hợp của nghề đào tạo so với nhu cầu việc làm: Trong những năm gần đây, tỷ lệ học sinh có việc làm đúng ngành nghề được đào tạo ngày càng cao, điều này cho thấy việc đào tạo ngày càng gần với thực tế hơn, góp phần cải thiện chất lượng đào tạo. Tuy nhiên, vẫn còn tình trạng việc làm đúng chuyên môn đào tạo nhưng chất lượng nguồn nhân lực thấp, không đáp ứng được nhu cầu lao động của doanh nghiệp. Nhiều lao động đã được đào tạo nghề nhưng khi làm việc tại các doanh nghiệp, khu công nghiệp lại không đáp ứng đủ tiêu chuẩn. Thực trạng đó đã gây ra tình trạng vừa thừa, vừa thiếu lao động, không đáp ứng được nhu cầu lao động thực tế của địa phương.

2.2. Những hạn chế trong công tác đào tạo nghề của tỉnh

Việc chỉ đạo và triển khai thực hiện ở cơ sở còn chậm, có lúc chưa đồng bộ, chưa phù hợp với đặc điểm vùng, ngành kinh tế; công tác tuyên truyền các chính sách ưu đãi về học nghề cho

lao động nông thôn còn hạn chế; Nhận thức của người dân về học nghề chưa cao, chưa chuyển biến nhận thức của người lao động về tính thiết thực của học nghề.

Công tác đào tạo nghề ngắn hạn cho người lao động đã có những chuyển biến tích cực, góp phần vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng hiện có, chưa đáp ứng được yêu cầu đặt ra và chưa gắn với nhu cầu sản xuất, kinh doanh, nhiều trường hợp doanh nghiệp phải đào tạo lại.

Về đầu tư xây dựng phòng học lý thuyết, phòng chức năng và nhà xưởng thực hành cho các trung tâm dạy nghề huyện còn chậm do những năm trước ngân sách địa phương còn gặp khó khăn nên đầu tư chưa đồng bộ, mới tập trung đầu tư vào năm 2011, năm 2012 hiện đang trong giai đoạn xây dựng chưa hoàn thiện.

Đội ngũ cán bộ, giáo viên các trung tâm dạy nghề còn thiếu và yếu, từ đó dẫn đến việc cập nhật nội dung chương trình, giáo trình giảng dạy, trang thiết bị dạy nghề chưa đáp ứng kịp yêu cầu phát triển của xã hội, chưa đa dạng hoá ngành nghề đào tạo, chỉ tập trung chủ yếu vào các nghề phục vụ cho nghề dân dụng, chưa hướng đến các ngành mũi nhọn như các ngành kỹ thuật, công nghiệp, dịch vụ...

Các Phòng Lao động Thương binh và Xã hội chưa được bố trí biên chế cán bộ phụ trách công tác dạy nghề theo quy định, do đó công tác kiểm tra, giám sát việc dạy nghề và thực hiện chế độ báo cáo chưa đảm bảo chất lượng theo yêu cầu.

2.3. Định hướng nâng cao chất lượng đào tạo nghề ngắn hạn tại tỉnh Trà Vinh

Để các hoạt động đào tạo nghề ngắn hạn thực sự hiệu quả, tạo được sự đồng thuận cao của người dân, cần thực hiện tốt một số vấn đề sau:

1. Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và người dân trong tỉnh về đào tạo nghề ngắn hạn:

- Cần phải có sự “vào cuộc” mạnh mẽ của cả hệ thống chính trị ở địa phương. Làm cho mọi người thấy rõ vai trò, trách nhiệm đào tạo nghề và sử dụng lao động có tay nghề; coi đào tạo nghề (ĐTN) là giải pháp đột phá trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm và đảm bảo an sinh xã hội của địa phương.

- Công tác đào tạo nghề ngắn hạn cần phải bám sát với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và từng địa phương của tỉnh, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh để có hiệu quả thiết thực.

- Nâng cao nhận thức của người dân, đặc biệt là lực lượng thanh niên nông thôn trong độ tuổi lao động về vị trí, vai trò của ĐTN; về học nghề để thay đổi hành vi, thu hút ngày càng nhiều người học nghề. Đồng thời, nâng cao nhận thức của các chủ doanh nghiệp về lợi ích của ĐTN đối với sự phát triển của doanh nghiệp để từ đó chủ động tham gia vào công tác đào tạo nghề ngắn hạn.

- Kết nối với các tổ chức chính trị, xã hội, các hội, đoàn thể, hội nghề nghiệp (nhất là Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) tăng cường tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về ĐTN; vận động thanh niên học nghề, tham gia công tác ĐTN.

2. Tăng cường các điều kiện đảm bảo nâng cao chất lượng ĐTN ngắn hạn:

- Việc tổ chức các khóa đào tạo phải rất linh hoạt về chương trình đào tạo, hình thức đào tạo, phương thức đào tạo, phương pháp truyền đạt... Chương trình đào tạo phải gắn với học liệu sinh động, đa dạng và thiết thực, phù hợp với trình độ của người học.

- Tập trung đầu tư đồng bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo nghề cho các trung tâm dạy nghề. Đồng thời tăng cường đội ngũ giáo viên chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm.

- Trong nông thôn đang có một số nghề thủ công, mỹ nghệ truyền thống cần được bảo tồn và có khả năng phát triển, cần được quan tâm và đưa vào chương trình dạy nghề.

- Tăng cường mối liên kết, hợp tác giữa các cơ sở ĐTN với nhau, giữa cơ sở ĐTN và các cơ sở giáo dục khác, giữa cơ sở ĐTN và doanh nghiệp để nâng cao hiệu quả và chất lượng ĐTN.

- Tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện đào tạo nghề cho người lao động hàng năm. Có cơ chế phối hợp để cộng đồng xã hội, các đoàn thể, các hội nghề nghiệp thực hiện việc giám sát, phản biện nhằm nâng cao chất ĐTN.

3. Về cơ chế, chính sách:

- Thực hiện đầy đủ và có hiệu quả các chính sách hỗ trợ người học nghề thuộc đối tượng đặc thù, nhóm yếu thế theo quy định của Nhà nước.

- Nghiên cứu ban hành các chính sách của tỉnh có tính ưu việt hơn so với chính sách chung của quốc gia như: Chính sách đối với giáo viên và cán bộ quản lý dạy nghề; Chính sách đối với người học nghề; Chính sách đối với cơ sở ĐTN; Chính sách đối với doanh nghiệp tham gia ĐTN; Chính sách giải quyết việc làm đối với người sau học nghề.

- Thực hiện giao quyền tự chủ đối với các Trung tâm dạy nghề công lập.

4. Về quản lý nhà nước:

- Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý dạy nghề thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh, kiện toàn bộ phận làm công tác quản lý ĐTN tại Phòng Lao động Thương binh và Xã hội các huyện.

- Tăng cường sự phối hợp trong quản lý nhà nước về ĐTN trên địa bàn tỉnh, kêu gọi vốn đầu tư, quản lý từ bên ngoài vào cơ sở ĐTN công lập.

- Cần phải giải quyết vấn đề đầu ra sản xuất sau khi đào tạo nghề cho người dân, nếu không giải quyết được đầu ra của sản xuất thì hiệu quả đào tạo không cao

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; thanh tra và kiểm định chất lượng ĐTN.

5. Về đầu tư và xã hội hóa:

- Đầu tư có trọng điểm, không dàn trải đặc biệt là đầu tư đồng bộ cho công tác đào tạo các nghề trọng điểm. Phải gắn việc khai thác, sử dụng với hiệu quả đào tạo và giảm thiểu chi phí không cần thiết.

- Thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy nghề phải theo hướng chuẩn hoá, đồng bộ, hiện đại và phù hợp. Ở mỗi trường, trung tâm, cơ sở đào tạo phải bảo đảm đủ số phòng học lý thuyết, phòng học thực hành và các trang thiết bị đáp ứng đủ nhu cầu cho dạy nghề và học nghề.

- Đẩy mạnh thực hiện chủ trương, chính sách xã hội hóa trong công tác phát triển dạy nghề, vận động, khuyến khích mở rộng sự tham gia của mọi thành phần kinh tế, mọi tổ chức cá nhân có điều kiện đầu tư cho dạy nghề để giảm bớt gánh nặng cho ngân sách Nhà nước.

- Huy động các nguồn lực trong nước và nước ngoài cho sự phát triển ĐTN. Ưu tiên đặc biệt các dự án hỗ trợ kỹ thuật, đầu tư cơ sở vật chất, phát triển chương trình, học liệu, đào tạo bồi dưỡng giáo viên, cán bộ quản lý.

3. Kết luận

Đào tạo nghề có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của địa phương và cả nước nhằm thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trên cơ sở thực trạng đào tạo nghề nói chung và đào tạo nghề ngắn hạn, đào tạo nghề thường xuyên nói riêng của tỉnh Trà Vinh hiện nay, với mục đích góp phần phát triển và nâng cao chất lượng loại hình đào tạo nghề ngắn hạn và thường xuyên, bài báo đề xuất các giải pháp để vận dụng trong thực tiễn giúp cho các đối tượng học nghề sau khi qua đào tạo sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu sử dụng lao động của địa phương cũng như có thể tự tạo việc làm nhằm tăng nguồn thu nhập, góp phần đáp ứng cho nhu cầu của cá nhân, gia đình và xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Đắc Hưng (2004), *Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai - Vấn đề và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

2. Ban chấp hành TW, *Chỉ thị của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của đảng đối với công tác dạy nghề cho lao động nông thôn*, 19-CT/TW, 2012.

3. Hoàng Văn Phai, *Đào tạo nghề cho lao động nông thôn ở nước ta hiện nay: Vấn đề cần quan tâm*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 3/2011.

4. Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Trà Vinh, *Các báo cáo năm 2009, 2010, 2011, 2012*.

5. UBND tỉnh Trà Vinh, *Dự thảo Chiến lược phát triển dạy nghề giai đoạn 2011-2020*.

8. UBND tỉnh Trà Vinh, *Đề án đào tạo nghề cho Lao động nông thôn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2010-2020*.